

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL24BTS**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH02142**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Luật Lao động**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2453801010001	Bùi Hoàng Ân	08/08/1996				8	7.5				9.5		8.8
2	2453801010002	Dương Thị Kim Chi	01/01/1990				8	9.0				9.3		9.0
3	2453801010003	Lâm Văn Út	10/08/1988				8	7.0				9.3		8.5
4	2453801010004	Nguyễn Thị Mỹ Dung	24/03/1992				5	5.0				0.0		2.0
5	2453801010006	Trần Cường Em	03/10/1993				8	9.0				9.8		9.3
6	2453801010007	Nguyễn Thị Huỳnh Giao	20/05/1991				8	9.0				0.0		3.5
7	2453801010008	Lê Huỳnh Hào	28/06/1983				8	9.0				10.0		9.5
8	2453801010009	Lê Hùng Hào	13/08/1995				7	7.0				10.0		8.8
9	2453801010010	Trần Vĩ Khang	06/11/2004				8	7.5				10.0		9.1
10	2453801010011	Huỳnh Nguyễn Minh Khoa	31/08/2008				8	8.0				0.0		3.2
11	2453801010012	Nguyễn Tuấn Kiệt	07/04/1998				8	7.5				9.5		8.8
12	2453801010013	Phan Hoàng Phú Lâm	22/12/2001				5	5.0				0.0		2.0
13	2453801010014	Nguyễn Thị Thuỷ Liên	19/08/2003				8	7.5				9.3		8.6
14	2453801010016	Võ Quang Linh	05/02/1987				8	8.5				9.8		9.2
15	2453801010017	Đỗ Thành Lợi	10/10/2004				8	9.0				9.5		9.2
16	2453801010018	Nguyễn Sĩ Học Luật	20/10/1987				7	7.0				10.0		8.8
17	2453801010019	Lâm Thị Trúc Ly	01/01/1989				8	9.0				9.8		9.3
18	2453801010020	Huỳnh Thị Thu Lý	28/06/1992				8	9.0				10.0		9.5
19	2453801010021	Hứa Hoàng Nam	04/11/1982				8	7.5				8.0		7.9
20	2453801010022	Nguyễn Thị Thiên Nga	06/02/1987				8	7.5				8.5		8.2
21	2453801010023	Châu Thị Lan Ngọc	15/10/2001				8	9.0				9.0		8.9
22	2453801010024	Nguyễn Thị Quỳnh Như	20/04/2006				8	7.0				9.3		8.5
23	2453801010026	Chau Thị	03/03/1998				7	7.0				0.0		2.8
24	2453801010027	Nguyễn Tấn Thủ	01/01/1982				8	9.0				10.0		9.5
25	2453801010028	Ngô Lê Thái Thuận	08/05/2004				7	7.0				9.5		8.5
26	2453801010029	Khuru Thị Thanh Thuý	11/11/1999				9	10.0				10.0		9.9
27	2453801010030	Nguyễn Ngọc Trí	01/04/1995				7	7.0				10.0		8.8
28	2453801010031	Nguyễn Thanh Tùng	10/07/1987				5	5.0				9.5		7.7
29	2453801010033	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	10/01/1979				9	9.5				9.3		9.3
30	2453801010035	Khuru Thuý Vy	05/02/2005				8	8.0				9.8		9.1

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 17 tháng 6 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Võ Hoàng Nhu